TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2024.
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Lý;

Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 69/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ X3, khu phố X5, phường CPH, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ X3, khu phố X5, phường CPH, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2024 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:*

Bà Y và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/8/2009 tại Uỷ ban nhân dân xã (nay là phường) CPH, huyện (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, bà Y và ông T sống chung với gia đình ông T được khoảng 01 năm thì ra sống riêng tại khu phố X5 phường CPH, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương cho đến nay.

Bà Y và ông T sống hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T cờ bạc, gây ra nợ nần nhiều lần, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, sống không có hạnh phúc. Hiện tại, ông T không còn thương yêu, quý trọng chăm sóc bà Y và các con, không còn tình cảm vợ chồng với bà Y. Đến khoảng tháng 12 năm 2023 thì mẫu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, bà Y và ông T sống ly thân cho đến nay.

Nay, bà Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy, bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Y được ly hôn với ông T.

- *Về con chung:* Bà Y khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang K, sinh ngày 22/01/2010 và Nguyễn Yến L, sinh ngày 15/6/2012, hiện tại con chung do bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, bà Y có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Yến L, còn cháu Nguyễn Quang K giao cho ông Nguyễn Quang T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Y không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Nguyễn Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng ông T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T vắng mặt không lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà Y và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, có đăng ký kết hôn ngày 05/8/2009 tại Uỷ ban nhân dân xã (nay là phường) CPH, huyện (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông T là hợp pháp. Thời gian đầu, bà Y và ông T chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng

sống ly thân và bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Y và ông Trí đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa. Khi bà Tuyến có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T, Tòa án triệu tập ông T nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt không lý do. Xét thấy ông T không còn thiện chí sống chung với bà Y nên không cần duy trì cuộc hôn nhân này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y.

[2.2] *Về con chung*: Bà Y khai có 02 con chung như đã nêu trên, hiện tại do bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, hiện tại bà Y đang là công nhân công ty thu nhập khoảng 13.000.000 đồng/tháng, còn ông T đang là tài xế lái xe ô tô của vợ chồng chạy hợp đồng với công ty, thu thập hàng tháng của ông T theo bà Y trình bày khoảng 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Cháu K và cháu L hiện tại được nuôi dưỡng tốt, có sức khoẻ bình thường và được đi học. Ly hôn, cháu L có nguyện vọng sống với bà Y, còn cháu K có nguyện vọng sống với ông T. Như vậy, bà Y và ông T đều có việc làm ổn định, thu nhập hàng tháng tương đối cao, đảm bảo được các quyền lợi cho các con chung. Do đó, căn cứ vào Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Y là được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Yến L, ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang K.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà Y không yêu cầu ông T đóng góp nuôi con nên Tòa án không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông Nguyễn Quang T.

Trong thời gian tới, nếu bà Y, ông T gặp khó khăn không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung thì bà Y và ông T đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Y không tranh chấp nên không đề cập đến. Khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết việc chia tài sản và nợ chung bằng vụ án khác.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tại phiên tòa là đúng nên Hội đồng xét xử không có ý kiến.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y đối với bị đơn ông Nguyễn Quang T về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y được ly hôn ông Nguyễn Quang T.

1.2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Yến L, sinh ngày 15/6/2012 cho bà Nguyễn Thị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Giao cháu Nguyễn Quang K, sinh ngày 22/01/2010 cho ông Nguyễn Quang T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị Y không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Quang T và bà Nguyễn Thị Y có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Bà Y, ông T và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Y, ông T trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y không tranh chấp nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số 0000854 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS TP. Bến Cát;
- UBND phường CPH, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nga